

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

NGÀNH : CÔNG NGHỆ TRUYỀN THÔNG

MÃ NGÀNH : 7320106

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 576 /QĐ-UEF ngày 29/7/2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh)*

I. THÔNG TIN CHUNG:

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo:

Tên ngành đào tạo:

- Tên tiếng Việt: **CÔNG NGHỆ TRUYỀN THÔNG**
- Tên tiếng Anh: **COMMUNICATION TECHNOLOGY**

Các chuyên ngành:

- Chuyên ngành 1. Quản trị sản xuất sản phẩm truyền thông
- Chuyên ngành 2. Kinh doanh sản phẩm truyền thông

Trình độ đào tạo: Đại học.

Thời gian đào tạo: 4 năm.

Tên văn bằng tốt nghiệp:

- Tên tiếng Việt: Cử nhân ngành Công nghệ truyền thông
- Tên tiếng Anh: Bachelor of Communication Technology

Hình thức đào tạo: Chính quy.

Bậc trình độ: Bậc 6 Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Khóa học áp dụng: 2025 - 2029.

1.2. Mục tiêu đào tạo:

a) Mục tiêu chung (Program Goals)

Đào tạo cử nhân ngành Công nghệ truyền thông theo định hướng nghề nghiệp, có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe; có kiến thức toàn diện, chuyên sâu về Công nghệ truyền thông; có kỹ năng thực hành nghề nghiệp thành thạo; có khả năng tư duy độc lập, sáng tạo, có năng lực tự học, tự nghiên cứu, hội nhập toàn cầu và thích nghi với sự biến đổi của môi trường tự nhiên và xã hội.

b) Mục tiêu cụ thể (Program Objectives – POs)

- PO1 (Kiến thức). Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật; kiến thức nền tảng và chuyên sâu về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực Công nghệ truyền thông và các kiến thức bổ trợ cần thiết để phục vụ yêu cầu công việc.

- PO2 (Kỹ năng). Trang bị, rèn luyện cho người học kỹ năng thực hành nghề nghiệp về công nghệ truyền thông, kỹ năng vận dụng các phương tiện, kỹ thuật, công nghệ hiện đại trong sản xuất và kinh doanh sản phẩm truyền thông, ứng dụng kiến thức chuyên môn và liên ngành để giải quyết những vấn đề thực tế; kỹ năng giao tiếp ứng xử, làm việc nhóm và hội nhập toàn cầu.

- PO3 (Mức tự chủ và trách nhiệm). Hình thành và phát triển cho người học ý thức đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm cộng đồng; năng lực tư duy độc lập, sáng tạo và phối hợp với người khác trong học tập, nghiên cứu và làm việc, thích nghi với các môi trường làm việc đa văn hóa và hội nhập.

1.3. Tiêu chí tuyển sinh và các yêu cầu đầu vào:

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tin tuyển sinh của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

1.4. Điều kiện tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh;

Thực hiện theo Quyết định số: 557/QĐ-UEF ngày 24/7/2025 về việc ban hành Chuẩn đầu ra các ngành đào tạo trình độ đại học, hệ chính quy, khóa 2025.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Khối lượng kiến thức:

Kiến thức toàn khóa học: 125 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất (03 tín chỉ) không tích lũy + Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy. Trong đó:

STT	Khối kiến thức	Khối lượng kiến thức			
		Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tỉ lệ %
1	Kiến thức giáo dục đại cương	41	41		32,8%
1.1	Khoa học xã hội	6	6	-	
1.2	Khoa học chính trị	11	11	-	
1.3	Pháp luật	3	3	-	
1.4	Tin học	3	3	-	
1.5	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	18	18	-	
2	Kiến thức cơ sở ngành	18	18	-	14,4%
3	Kiến thức chuyên ngành	45	30	15	36,0%
4	Kiến thức bổ trợ	12	6	6	9,6%
5	Thực tập thực tế	9	3	6	7,2%
6	Kiến thức không tích lũy				
6.1	Giáo dục thể chất (3 tín chỉ)			√	
6.2	Giáo dục quốc phòng - an ninh (165 tiết)		√		
	Tổng cộng	125	98 (78,4%)	27 (21,6%)	

2.2. Khung chương trình:

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
1. Kiến thức giáo dục đại cương						41							
1.1. Khoa học xã hội						6							
1.1.1	SOC1102E	Xã hội học truyền thông	Sociology of Media	BB	E	3	3						x
1.1.2	SOS1101	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Fundamentals of Vietnamese Culture	BB		3	3						
1.2. Khoa học chính trị						11							
1.2.1	POL1111	Triết học Mác-Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	BB		3	3						
1.2.2	POL1112	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Marxist-Leninist Political Economics	BB		2	2						
1.2.3	POL1113	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	BB		2	2						
1.2.4	POL1114	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	BB		2	2						
1.2.5	POL1115	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	BB		2	2						

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
1.3. Pháp luật						3							
1.3.1	LAW1101	Pháp luật đại cương	Introduction to Law	BB		3	3						
1.4. Tin học						3							
1.4.1	ITE1292	Tin học và trí tuệ nhân tạo ứng dụng	Informatics and Applied Artificial Intelligence	BB		3	2	1					
1.5. Ngoại ngữ						18							
1.5.1	ENG3201	Tiếng Anh 1	English 1	BB		3	3						
1.5.2	ENG3202	Tiếng Anh 2	English 2	BB		3	3						
1.5.3	ENG3203	Tiếng Anh 3	English 3	BB		3	3						
1.5.4	ENG3204	Tiếng Anh 4	English 4	BB		3	3						
1.5.5	ENG3205	Tiếng Anh 5	English 5	BB		3	3						
1.5.6	ENG3206	Tiếng Anh 6	English 6	BB		3	3						
2. Kiến thức cơ sở ngành						18							
2.1	SOS1109	Mỹ học	Aesthetics	BB		3	3						
2.2	PUR2131E	Truyền thông marketing	Marketing Communication	BB	E	3	3						x
2.3	COT1102	Lý thuyết truyền thông	Communication Theories	BB		3	3						x
2.4	PUR1133E	Mạng xã hội	Social Media	BB	E	3	3						x

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
2.5	COT1126	Quy trình sản xuất sản phẩm truyền thông	Media Production	BB		3	3						x
2.6	COT1107E	Thiết kế nội dung truyền thông	Media Content Creation	BB	E	3	3						x
3. Kiến thức chuyên ngành						45							
3.1	COT1124	Kỹ thuật quay và dựng phim	Cinematography Techniques	BB		3	2	1					x
3.2	COT1105	Thiết bị kỹ thuật sản xuất audio, video	Audio and Video Equipment	BB		3	3						
3.3	COT1110E	Kỹ thuật ảnh	Photography Techniques	BB	E	3	2	1					x
3.4	PUR1108E	Tổ chức sự kiện	Event Management	BB	E	3	3						x
3.5	COT1109	Kịch bản	Screenwriting	BB		3	3						x
3.6	MMC1102E	Kịch bản phân cảnh	Storyboard	BB	E	3	2	1			COT1109		x
3.7	PUR1227	Phê bình điện ảnh	Film Criticism	BB		3	3						
3.8	MMC1101E	Tiếng Anh chuyên ngành truyền thông đa phương tiện	English for Multimedia	BB	E	3	3						
3.9	COT1112E	Sản xuất TVC và New Media	TVC and New Media Production	BB	E	3	2	1			COT1109		x

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
3.10	COT1125E	Đồ án New Media	New Media Project	BB	E	3			X				x
		<i>Sinh viên chọn 1 trong 2 chuyên ngành sau</i>											
Chuyên ngành 1.		<i>Quản trị sản xuất sản phẩm truyền thông</i>	<i>Media Production Management</i>										
3.11.1	COT1113E	Sản xuất chương trình giải trí phát thanh truyền hình	Entertainment Media Production	TC	E	3	2	1			COT1126		x
3.12.1	COT1116	Quản trị dự án truyền thông	Media Project Management	TC		3	3						x
3.13.1	COT1129E	Nghệ thuật kể chuyện bằng hình ảnh	Visual Narratives	TC	E	3	3						
3.14.1	COT1417	Đồ án quản trị dự án truyền thông	Media Management Capstone Project	TC		6			6		COT1125E COT1116		
Chuyên ngành 2.		<i>Kinh doanh sản phẩm truyền thông</i>	<i>Media Business</i>										
3.11.2	COT1118	Kinh doanh sản phẩm truyền thông	Media Business	TC		3	3				PUR2131E		x

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
3.12.2	COT1130E	Nghiên cứu thị trường truyền thông	Media Market Research	TC	E	3	3						x
3.13.2	PUR1136E	Truyền thông tương tác	Interactive Media	TC	E	3	3						
3.14.2	COT1420	Đồ án kinh doanh sản phẩm truyền thông	Media Business Capstone Project	TC		6			6		COT1125E COT1130E		
4. Kiến thức bổ trợ						12							
4.1	SKI1107	Project design 1	Project Design 1	BB		3	3						
4.2	SKI1108	Project design 2	Project Design 2	BB		3	3				SKI1107		
		Sinh viên chọn 2 trong các học phần sau											
4.3	DMK1101	Công dân số	Digital Citizenship	TC		3	3						
4.4	ECO1113	Công dân toàn cầu	Global Citizenship	TC		3	3						
4.5	JPN1163	Đặc nhân tâm phong cách Nhật Bản	Japanese Concepts to Win Friends and Influence People	TC		3	3						
4.6	JPN1108	Đất nước học Nhật Bản	Country Studies of Japan	TC		3	3						

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
4.7	CHI1122	Đất nước học Trung Quốc	Country Studies of China	TC		3	3						
4.8	ECO1108	Địa lý kinh tế thế giới	World Economics Geography	TC		3	3						
4.9	PSY1137	Giáo dục sức khỏe tinh thần	Mental Health Education	TC		3	3						
4.10	ENC1121	Giao tiếp liên văn hóa	Cross-cultural Communication	TC		3	3						
4.11	BUS1115	Khởi nghiệp	Entrepreneurship	TC		3	3						
4.12	LAW1195	Luật công bằng và tín thác	Equity and Trust Law	TC		3	3						
4.13	LAW1111	Luật thương mại	Commercial Law	TC		3	3						
4.14	LAW1116	Luật quốc tế	International Law	TC		3	3						
4.15	GPD1135	Nghệ thuật học cơ bản	The Basic of Arts	TC		3	3						
4.16	HRM1111	Nghệ thuật lãnh đạo	Arts of Leadership	TC		3	3						
4.17	HMM1137	Nghệ thuật xây dựng hình ảnh cá nhân chuyên nghiệp	Professional Personal Branding	TC		3	3						
4.18	IRE1130	Nghệ vụ ngoại giao	Diplomatic Protocol	TC		3	3						

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
4.19	DAS1125	Nhập môn chuyển đổi số	Introduction to Digital Transformation	TC		3	3						
4.20	IRE1108	Những vấn đề toàn cầu	Global Issues	TC		3	3						
4.21	DAS1124	Phân tích dữ liệu ứng dụng	Applied Data Analytics	TC		3	3						
4.22	LAW1107	Pháp luật về doanh nghiệp	Enterprises Law	TC		3	3						
4.23	IRE1151	Phát triển bền vững	Sustainable Development	TC		3	3						
4.24	FIN1152	Quản lý tài chính cá nhân	Personal Financial Management	TC		3	3						
4.25	IBU1115	Quản trị chiến lược toàn cầu	Global Strategic Management	TC		3	3						
4.26	PSY1103	Tâm lý giao tiếp	Communication Psychology	TC		3	3						
4.27	ADS1101	Thuyết trình sáng tạo	Creative Presentation	TC		3	3						
4.28	DMK1114	Tư duy thẩm mỹ	Aesthetic Thinking	TC		3	3						
4.29	TOU1145	Văn hóa bàn tiệc và lễ tân khánh tiết	Diplomatic Reception and Table Art	TC		3	3						

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
4.30	SOS1108	Văn hóa các nước Đông Nam Á	Cultures of Southeast Asia Countries	TC		3	3						
4.31	KOR1147	Văn hóa truyền thống Hàn Quốc	Korean Traditional Culture	TC		3	3						
4.32	IRE1138	Văn minh nhân loại	Human Civilization	TC		3	3						
5. Thực tập thực tế						9							
5.1	COT1321	Thực tập tốt nghiệp	Graduation Internship	BB		3				3			
		<i>Sinh viên chọn 1 trong 2 hình thức:</i>											
5.2	COT1427	Chuyên đề tốt nghiệp	Graduation Project	TC		6			6				
5.3	COT1428	Khóa luận tốt nghiệp	Thesis	TC		6			6				
6. Kiến thức không tích lũy						3							
6.1. Giáo dục thể chất (<i>sinh viên chọn 1 trong 5 nhóm sau</i>)						3							
		<i>Nhóm 1</i>											
6.1.1.1	GYM1311	Giáo dục thể chất - Aerobic 1	Physical Education 1 - Aerobic	TC		1		1					

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
6.1.2.1	GYM1312	Giáo dục thể chất - Aerobic 2	Physical Education 2 – Aerobic	TC		1		1					
6.1.3.1	GYM1313	Giáo dục thể chất - Aerobic 3	Physical Education 3 - Aerobic	TC		1		1					
		<i>Nhóm 2</i>											
6.1.1.2	GYM1321	Giáo dục thể chất - Vovinam 1	Physical Education 1 - Vovinam	TC		1		1					
6.1.2.2	GYM1322	Giáo dục thể chất - Vovinam 2	Physical Education 2 - Vovinam	TC		1		1					
6.1.3.2	GYM1323	Giáo dục thể chất - Vovinam 3	Physical Education 3 - Vovinam	TC		1		1					
		<i>Nhóm 3</i>											
6.1.1.3	GYM1331	Giáo dục thể chất - Boxing 1	Physical Education 1 - Boxing	TC		1		1					
6.1.2.3	GYM1332	Giáo dục thể chất - Boxing 2	Physical Education 2 – Boxing	TC		1		1					

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
6.1.3.3	GYM1333	Giáo dục thể chất - Boxing 3	Physical Education 3 - Boxing	TC		1		1					
		<i>Nhóm 4</i>											
6.1.1.4	GYM1341	Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 1	Physical Education 1 - Body-building	TC		1		1					
6.1.2.4	GYM1342	Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 2	Physical Education 2 - Body-building	TC		1		1					
6.1.3.4	GYM1343	Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 3	Physical Education 3 - Body-building	TC		1		1					
		<i>Nhóm 5</i>											
6.1.1.5	GYM1351	Giáo dục thể chất - Dancesport 1	Physical Education 1 - Dancesport	TC		1		1					
6.1.2.5	GYM1352	Giáo dục thể chất - Dancesport 2	Physical Education 2 – Dancesport	TC		1		1					
6.1.3.5	GYM1353	Giáo dục thể chất - Dancesport 3	Physical Education 2 - Dancesport	TC		1		1					
6.2. Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết)													

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
6.2.1	MIL1203	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Military Education	BB									

Ghi chú: BB: Bắt buộc; TC: Tự chọn; E: Học phần giảng dạy bằng Tiếng Anh; LT: Lý thuyết; TH: Thực hành; ĐA: Đồ án/ Khóa luận; TT: Thực tập, thực tế.

Học phần điều kiện (*): đánh dấu X - các học phần cốt lõi sinh viên phải học trước khi đăng ký Thực tập tốt nghiệp; Học phần Chuyên đề tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp đăng ký thực hiện song hành hoặc sau khi hoàn thành Thực tập tốt nghiệp.

2.3. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến):

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
Năm 1															
01	1A	ENG3201	Tiếng Anh 1	English 1	BB			3	45	45				135	TA
02	1A	SOS1101	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Fundamentals of Vietnamese Culture	BB			3	45	45				135	QHCC TT
03	1B	ENG3202	Tiếng Anh 2	English 2	BB			3	45	45				135	TA
04	1B	COT1124	Kỹ thuật quay và dựng phim	Cinematography Techniques	BB			3	60	30	30			180	QHCC TT
05	1B	SKI1107	Project design 1	Project Design 1	BB			3	45	45				135	PD
			Cộng (HK 1A+1B)					15							
06	2A	ENG3203	Tiếng Anh 3	English 3	BB			3	45	45				135	TA
07	2A	COT1102	Lý thuyết truyền thông	Communication Theories	BB			3	45	45				135	QHCC TT
08	2A	COT1105	Thiết bị kỹ thuật sản xuất audio, video	Audio and Video Equipment	BB			3	45	45				135	QHCC TT
09	2B	ENG3204	Tiếng Anh 4	English 4	BB			3	45	45				135	TA
10	2B	COT1126	Quy trình sản xuất sản phẩm truyền thông	Media Production	BB			3	45	45				135	QHCC TT

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
11	2B	ITE1292	Tin học và trí tuệ nhân tạo ứng dụng	Informatics and Applied Artificial Intelligence	BB			3	60	30	30			180	CNTT
			Cộng (HK 2A+2B)					18							
Năm 2															
01	1A	ENG3205	Tiếng Anh 5	English 5	BB			3	45	45				135	TA
02	1A	SKI1108	Project design 2	Project Design 2	BB	SKI1107		3	45	45				135	PD
03	1A	SOS1109	Mỹ học	Aesthetics	BB			3	45	45				135	QHCC TT
04	1B	ENG3206	Tiếng Anh 6	English 6	BB			3	45	45				135	TA
05	1B	COT1109	Kịch bản	Screenwriting	BB			3	45	45				135	QHCC TT
06	1B	GYM1311/ GYM1321/ GYM1331/ GYM1341/ GYM1351	Giáo dục thể chất - Aerobic 1/ Giáo dục thể chất - Vovinam 1/ Giáo dục thể chất - Boxing 1/ Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 1/ Giáo dục thể chất - DanceSport 1	Physical Education 1 - Aerobic Physical Education 1 - Vovinam Physical Education 1 - Boxing Physical Education 1 - Body-building	TC			1	30		30			90	LL-TC

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
				Physical Education 1 - DanceSport											
			Cộng (HK 1A+1B)					16							
07	2A	MMC1101E	Tiếng Anh chuyên ngành truyền thông đa phương tiện	English for Multimedia	BB		E	3	45	45				135	QHCC TT
08	2A	COT1107E	Thiết kế nội dung truyền thông	Media Content Creation	BB		E	3	45	45				135	QHCC TT
09	2A	GYM1312/ GYM1322/ GYM1332/ GYM1342/ GYM1352	Giáo dục thể chất - Aerobic 2/ Giáo dục thể chất - Vovinam 2/ Giáo dục thể chất - Boxing 2/ Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 2/ Giáo dục thể chất - DanceSport 2	Physical Education 2 - Aerobic Physical Education 2 - Vovinam Physical Education 2 - Boxing Physical Education 2 - Body-building Physical Education 2 - DanceSport	TC			1	30		30			90	LL-TC

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
10	2B	LAW1101	Pháp luật đại cương	Introduction to Law	BB			3	45	45				135	LUAT
11	2B	MMC1102E	Kịch bản phân cảnh	Storyboard	BB	COT1109	E	3	60	30	30			180	QHCC TT
12	2B	PUR2131E	Truyền thông marketing	Marketing Communication	BB		E	3	45	45				135	QHCC TT
13	2B	GYM1313/ GYM1323/ GYM1333/ GYM1343/ GYM1353	Giáo dục thể chất - Aerobic 3/ Giáo dục thể chất - Vovinam 3/ Giáo dục thể chất - Boxing 3/ Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 3 Giáo dục thể chất - DanceSport 3	Physical Education 3 - Aerobic Physical Education 3 - Vovinam Physical Education 3 - Boxing Physical Education 3 - Body-building Physical Education 3 - DanceSport	TC			1	30		30			90	LL-TC
			Cộng (HK 2A+2B)					17							
		MIL1203	Giáo dục quốc phòng - an ninh	Military Education					165						PĐT

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
Năm 3															
01	1A	POL1111	Triết học Mác-Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	BB			3	45	45				135	LL-TC
02	1A	SOC1102E	Xã hội học truyền thông	Sociology of Media	BB		E	3	45	45				135	QHCC TT
03	1A	PUR1108E	Tổ chức sự kiện	Event Management	BB		E	3	45	45				135	QHCC TT
04	1B	POL1114	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	BB			2	30	30				90	LL-TC
05	1B	COT1110E	Kỹ thuật ảnh	Photography Techniques	BB		E	3	60	30	30			180	QHCC TT
06	1B	PUR1133E	Mạng xã hội	Social Media	BB		E	3	45	45				135	QHCC TT
			Cộng (HK 1A+1B)					17							
07	2A	POL1113	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	BB			2	30	30				90	LL-TC
08	2A	PUR1227	Phê bình điện ảnh	Film Criticism	BB			3	45	45				135	QHCC TT
09	2A	COT1112E	Sản xuất TVC và New Media	TVC and New Media Production	BB	COT1109	E	3	60	30	30			180	QHCC TT

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
10	2A	POL1112	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Marxist-Leninist Political Economics	BB			2	30	30				90	LL-TC
11	2B	POL1115	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	BB			2	30	30				90	LL-TC
12	2B		Học phần tự chọn 1		TC			3	45	45				135	
13	2B	COT1125E	Đồ án New Media	New Media Project	BB		E	3				X		0	QHCC TT
			Cộng (HK 2A+2B)					18							
Năm 4															
01	1A		Học phần tự chọn 2		TC			3	45	45				135	
		Chuyên ngành	<i>Quản trị sản xuất sản phẩm truyền thông</i>	<i>Media Production Management</i>											
02	1A	COT1113E	Sản xuất chương trình giải trí phát thanh truyền hình	Entertainment Media Production	TC	COT1126	E	3	60	30	30			180	QHCC TT

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
03	1A	COT1116	Quản trị dự án truyền thông	Media Project Management	TC			3	45	45				135	QHCC TT
		Chuyên ngành	<i>Kinh doanh sản phẩm truyền thông</i>	<i>Media Business</i>											
02	1A	COT1118	Kinh doanh sản phẩm truyền thông	Media Business	TC	PUR2131E		3	45	45				135	QHCC TT
03	1A	COT1130E	Nghiên cứu thị trường truyền thông	Media Market Research	TC		E	3	45	45				135	QHCC TT
		Chuyên ngành	<i>Quản trị sản xuất sản phẩm truyền thông</i>	<i>Media Production Management</i>											
04	1B	COT1129E	Nghệ thuật kể chuyện bằng hình ảnh	Visual Narratives	TC		E	3	45	45				135	QHCC TT
05	1B	COT1417	Đồ án quản trị dự án truyền thông	Media Management Capstone Project	TC	COT1125E COT1116		6				X			QHCC TT
		Chuyên ngành	<i>Kinh doanh sản phẩm truyền thông</i>	<i>Media Business</i>											
04	1B	PUR1136E	Truyền thông tương tác	Interactive Media	TC		E	3	45	45				135	QHCC TT

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
05	1B	COT1420	Đồ án kinh doanh sản phẩm truyền thông	Media Business Capstone Project	TC	COT1125E COT1116		6				X			QHCC TT
			Cộng (HK 1A+1B)					18							
06	2A	COT1321	Thực tập tốt nghiệp	Graduation Internship	BB			3					X		QHCC TT
			Sinh viên chọn 1 trong 2 hình thức:												
07	2A	COT1427	Chuyên đề tốt nghiệp	Graduation Project	TC			6				X			QHCC TT
07	2A	COT1428	Khóa luận tốt nghiệp	Thesis	TC			6				X			QHCC TT
			Cộng (HK 2A)					9							

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH CÔNG NGHỆ TRUYỀN THÔNG
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - KHÓA 2025

Giáo dục đại cương	Kiến thức cơ sở ngành	Kiến thức chuyên ngành	Kiến thức bổ trợ	Thực tập thực tế	Kiến thức không tích lũy
--------------------	-----------------------	------------------------	------------------	------------------	--------------------------

Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4	
HK 1A	HK 2A	HK 1A	HK 2A	HK 1A	HK 2A	HK 1A	HK 2A
	Thiết bị kỹ thuật sản xuất audio, video COT1105 (3tc)	Project design 2 SKI1108 (3tc)	Giáo dục thể chất 2 (1tc)	(E) Xã hội học truyền thông SOC1102E (3tc)	Phê bình điện ảnh PUR1227 (3tc)	Môn tự chọn 2 (3tc)	
Cơ sở văn hóa Việt Nam SOS1101 (3tc)	Lý thuyết truyền thông COT1102 (3tc)	Mỹ học SOS1109 (3tc)	(E) Tiếng Anh chuyên ngành truyền thông đa phương tiện MMC1101E (3tc)	(E) Tổ chức sự kiện PUR1108E (3tc)	(E) Sản xuất TVC và New Media COT1112E (3tc)	Quản trị dự án truyền thông COT1116 (3tc)	Chuyên đề /Khóa luận tốt nghiệp COT1427/8 (6tc)
Tiếng Anh 1 ENG3201 (3tc)	Tiếng Anh 3 ENG3203 (3tc)	Tiếng Anh 5 ENG3205 (3tc)	(E) Thiết kế nội dung truyền thông COT1107E (3tc)	Triết học Mác-Lênin POL1111 (3tc)	Chủ nghĩa xã hội khoa học POL1113 (2tc)	Kinh doanh sản phẩm truyền thông COT1118 (3tc)	Thực tập tốt nghiệp COT1321 (3tc)
						(E) Nghiên cứu thị trường truyền thông COT1130E (3tc)	
HK 1B	HK 2B	HK 1B	HK 2B	HK 1B	HK 2B	HK 1B	HK 2B
Tiếng Anh 2 ENG3202 (3tc)	Tiếng Anh 4 ENG3204 (3tc)	Tiếng Anh 6 ENG3206 (3tc)	Pháp luật đại cương LAW1101 (3tc)	Tư tưởng Hồ Chí Minh POL1114 (2tc)	Kinh tế chính trị Mác-Lênin POL1112 (2tc)	(E) Nghệ thuật kể chuyện bằng hình ảnh COT1129E (3tc)	
Kỹ thuật quay và dựng phim COT1124 (3tc)	Quy trình sản xuất sản phẩm truyền thông -COT1126 (3tc)	Kịch bản COT1109 (3tc)	(E) Kịch bản phân cảnh MMC1102E (3tc)	(E) Kỹ thuật ảnh COT1110E (3tc)	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam POL1115 (2tc)	Đồ án kinh doanh sản phẩm truyền thông COT1420 (6tc)	
Project design 1 SKI1107 (3tc)	Tin học và trí tuệ nhân tạo ứng dụng ITE1292 (3tc)	Giáo dục thể chất 1 (1tc)	(E) Truyền thông marketing PUR2131E (3tc)	(E) Mạng xã hội PUR1133E (3tc)	(E) Đồ án New Media COT1125E (3tc)	Quản trị sản xuất sản phẩm truyền thông	
Ký hiệu sử dụng Tên môn học Mã môn (số tín chỉ) (E) Môn học giảng bằng tiếng Anh			Giáo dục thể chất 3 (1tc)		Môn tự chọn 1 (3tc)	Đồ án quản trị dự án truyền thông COT1417 (6tc)	
			Giáo dục quốc phòng MIL1203			(E) Truyền thông tương tác PUR1136E (3tc)	Kinh doanh sản phẩm truyền thông
* Học phần giáo dục thể chất chọn 1 trong 5 môn: Aerobic, Boxing, Vovinam, Dancesport, Thể hình thẩm mỹ		Danh sách môn tự chọn • Công dân số • Khởi nghiệp • Luật công bằng và tín thác Nhật Bản • Luật thương mại • Luật quốc tế • Nghệ thuật học cơ bản • Nghệ thuật lãnh đạo • Nghiệp vụ ngoại giao • Nghệ thuật xây dựng hình ảnh cá nhân chuyên nghiệp • Nhập môn chuyển đổi số • Những vấn đề toàn cầu • Pháp luật về doanh nghiệp • Phân tích dữ liệu ứng dụng • Phát triển bền vững • Quản lý tài chính cá nhân • Quản trị chiến lược toàn cầu • Tâm lý giao tiếp • Thuyết trình sáng tạo • Tư duy thẩm mỹ • Văn hóa bàn tiệc và lễ tân khách tiết • Văn hóa truyền thống Hàn Quốc • Văn minh nhân loại • Văn hóa các nước Đông Nam Á					

2.4. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
1. Kiến thức giáo dục đại cương				
1.1.1	SOC1102E	Xã hội học truyền thông	3	Học phần tập trung vào nghiên cứu các quan hệ bản chất trong xã hội học và truyền thông học, nhằm trang bị kiến thức nền tảng cho sinh viên. Học phần trình bày những nội dung cơ bản của xã hội học trong truyền thông: các lý thuyết xã hội học trong truyền thông, đối tượng nghiên cứu, hệ thống khái niệm, những vấn đề cơ bản; vận dụng lý thuyết xã hội học trong truyền thông, các hiện tượng xã hội hóa, lệch chuẩn, tâm lý đám đông... nhằm giúp sinh viên nắm bắt được xu hướng, tâm lý của từng giới, lớp xã hội, từ đó hiểu cơ chế tác động và từng bước tham gia vào quá trình tác động nhằm thay đổi nhận thức và hành vi xã hội.
1.1.2	SOS1101	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	Học phần nghiên cứu khái quát về văn hóa Việt Nam, bao gồm: điều kiện tự nhiên và xã hội chi phối sự hình thành văn hóa Việt Nam, cơ sở hình thành và quá trình định hình bản sắc văn hóa truyền thống Việt Nam. Học phần xác định các vùng, các đặc trưng bản sắc của văn hóa truyền thống Việt Nam, sự phát triển, tiếp biến văn hóa truyền thống Việt Nam trong quá trình công nghiệp hóa và hội nhập toàn cầu hóa. Học phần trang bị kiến thức nền tảng nhằm giúp người học lý giải các hiện tượng xã hội từ góc độ văn hóa, từ đó vận dụng vào các hoạt động quan hệ công chúng, đảm bảo phong văn hóa cho cử nhân quan hệ công chúng khi tổ chức các hoạt động nghề nghiệp.
1.2.1	POL1111	Triết học Mác-Lênin	3	Học phần cung cấp cho người học kiến thức khoa học nền tảng về Triết học Mác –Lênin; Nâng cao năng lực tư duy nhận thức khoa học, tư duy phản biện khoa học về thế giới khách quan, bao gồm: Chương 1- trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2- trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vật thể vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3- trình bày những nội dung cơ bản của

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người
1.2.2	POL1112	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	Học phần cung cấp kiến thức nền tảng về Kinh tế chính trị Mác-Lênin, nhằm nâng cao năng lực tư duy và nhận thức khoa học về thế giới khách quan và các học thuyết kinh tế. Sinh viên sẽ hiểu và áp dụng kiến thức này trong việc phân tích, xử lý, và đánh giá vấn đề khoa học lý thuyết và thực tiễn trong lĩnh vực đào tạo của họ. Chương trình bao gồm 6 chương, trong đó chương 1 tập trung vào đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác-Lênin. Các chương tiếp theo đề cập đến các vấn đề cốt lõi như hàng hóa, thị trường, vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường, giá trị thặng dư, cạnh tranh, độc quyền, kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam, và cách mạng công nghiệp cũng như hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam.
1.2.3	POL1113	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học gồm 7 chương: Trong đó, chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học). Từ chương 2 đến chương 7 trình bày nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học.
1.2.4	POL1114	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Học phần cung cấp cho người học kiến thức tư duy nhận thức khoa học hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam; Hiểu được các quan điểm tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người, về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, về sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc với đoàn kết quốc tế, xây dựng nhà nước thật sự của dân, do dân và vì dân; về văn hóa, đạo đức cách mạng và con người mới. Người học biết vận dụng vào quá trình tự rèn luyện học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong thời đại mới.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
1.2.5	POL1115	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Học phần cung cấp cho người học về kiến thức vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, ngoài chương nhập môn gồm 05 bài, cụ thể: Bài 1. Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Bài 2. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Bài 3. Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Bài 4. Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018); Bài 5. Kết luận.
1.3.1	LAW1101	Pháp luật đại cương	3	Học phần nghiên cứu hiện tượng Nhà nước và Pháp luật theo quan điểm chủ nghĩa Mác-Lenin. Học phần giải quyết những vấn đề chung nhất về Nhà nước và Pháp luật: nguồn gốc, bản chất, các kiểu và chức năng của Nhà nước và Pháp luật. Ngoài ra học phần còn nghiên cứu các nguyên tắc tổ chức bộ máy nhà nước, hình thức tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước.
1.4.1	ITE1292	Tin học và trí tuệ nhân tạo ứng dụng	3	Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức nền tảng về tin học văn phòng: soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính, thiết kế bài thuyết trình chuyên nghiệp và ứng dụng các công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) phổ biến hỗ trợ học tập, nghiên cứu và làm việc hiệu quả. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức: Khái niệm cơ bản về Tin học và AI; Sử dụng phần mềm soạn thảo văn bản Word; Sử dụng phần mềm bảng tính Excel; Trình bày báo cáo bằng phần mềm trình chiếu Powerpoint; Ứng dụng AI trong xử lý văn bản và bảng tính; Ứng dụng AI trong thiết kế thuyết trình; Tìm kiếm thông tin học thuật với AI; Sử dụng AI hỗ trợ viết báo cáo, luận văn.
1.5.1	ENG3201	Tiếng Anh 1	3	Học phần này giúp sinh viên phát triển từ vựng, ngữ pháp, phát âm, kiến thức về văn hóa xã hội các nước nói tiếng Anh và giúp sinh viên sử dụng các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong các tình huống giao tiếp hằng ngày và trong công việc tương đương cấp độ A2-B1 theo khung năng lực ngoại ngữ Châu Âu. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				việc nhóm, tư duy biện luận và năng lực học tập suốt đời. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh phục vụ cho việc học, nghiên cứu tài liệu và trong trường công sở trong tương lai, giúp sinh viên thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này.
1.5.2	ENG3202	Tiếng Anh 2	3	Học phần này giúp sinh viên phát triển từ vựng, ngữ pháp, phát âm, kiến thức về văn hóa xã hội các nước nói tiếng Anh và giúp sinh viên sử dụng các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong các tình huống giao tiếp hằng ngày và trong công việc tương đương cấp độ A2-B1 theo khung năng lực ngoại ngữ Châu Âu. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, tư duy biện luận và năng lực học tập suốt đời. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh phục vụ cho việc học, nghiên cứu tài liệu và trong trường công sở trong tương lai, giúp sinh viên thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này.
1.5.3	ENG3203	Tiếng Anh 3	3	Học phần này giúp sinh viên phát triển từ vựng, ngữ pháp, phát âm, kiến thức về văn hóa xã hội các nước nói tiếng Anh và giúp sinh viên sử dụng các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong các tình huống giao tiếp hằng ngày và trong công việc tương đương cấp độ A2-B1 theo khung năng lực ngoại ngữ Châu Âu. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, tư duy biện luận và năng lực học tập suốt đời. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh phục vụ cho việc học, nghiên cứu tài liệu và trong trường công sở trong tương lai, giúp sinh viên thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
1.5.4	ENG3204	Tiếng Anh 4	3	Học phần này giúp sinh viên phát triển từ vựng, ngữ pháp, phát âm, kiến thức về văn hóa xã hội các nước nói tiếng Anh và giúp sinh viên sử dụng các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong các tình huống giao tiếp hằng ngày và trong công việc gần tương đương cấp độ B1 theo khung năng lực ngoại ngữ Châu Âu. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, lập luận khoa học. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh phục vụ cho việc học, nghiên cứu tài liệu và trong trường công sở trong tương lai, giúp sinh viên thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này.
1.5.5	ENG3205	Tiếng Anh 5	3	Học phần này giúp sinh viên phát triển từ vựng, ngữ pháp, phát âm, kiến thức về văn hóa xã hội các nước nói tiếng Anh và giúp sinh viên sử dụng các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong các tình huống giao tiếp hằng ngày và trong công việc gần tương đương cấp độ B1 theo khung năng lực ngoại ngữ Châu Âu. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, lập luận khoa học. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh phục vụ cho việc học, nghiên cứu tài liệu và trong trường công sở trong tương lai, giúp sinh viên thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này.
1.5.6	ENG3206	Tiếng Anh 6	3	Học phần này giúp sinh viên phát triển từ vựng, ngữ pháp, phát âm, kiến thức về văn hóa xã hội các nước nói tiếng Anh và giúp sinh viên sử dụng các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong các tình huống giao tiếp hằng ngày và trong công việc gần tương đương cấp độ B1 theo khung năng lực ngoại ngữ Châu Âu. Phát triển các chiến lược làm bài thi đánh giá năng lực tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam (VSTEP). Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, lập luận khoa học. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				tiếng Anh phục vụ cho việc học, nghiên cứu tài liệu và trong trường công sở trong tương lai, giúp sinh viên thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này.
2. Kiến thức cơ sở ngành				
2.1	SOS1109	Mỹ học	3	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về lịch sử phát triển và khái niệm mỹ học, các phạm trù thẩm mỹ, ý thức thẩm mỹ, nghệ thuật như một lĩnh vực thẩm mỹ, các loại hình nghệ thuật. Học phần đề cập đến vấn đề giáo dục thẩm mỹ, thị hiếu thẩm mỹ đại chúng. Học phần nhằm cung cấp kiến thức rộng, mang tính hệ thống, để người học có thể ứng dụng trong lĩnh vực hoạt động nghệ thuật, giải trí, đánh giá thị hiếu, định hướng thẩm mỹ.
2.2	PUR2131E	Truyền thông marketing	3	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về marketing, ảnh hưởng của marketing trong tổ chức, xu hướng của tiếp thị trong xu thế toàn cầu hóa, môi trường và thông tin về marketing. Nắm được kiến thức môn học sinh viên có thể tìm hiểu phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu và định vị thương hiệu trên thị trường, phân tích các đặc tính và hành vi của khách hàng; mối liên hệ giữa marketing và các công cụ khác trong truyền thông marketing tích hợp. Học phần giúp sinh viên có thể phối hợp sử dụng các nguồn lực và công cụ của các lĩnh vực PR – Marketing – Truyền thông, nhằm đạt hiệu quả công việc tốt nhất.
2.3	COT1102	Lý thuyết truyền thông	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, có hệ thống về lý thuyết truyền thông. Sau khi học xong học phần này, sinh viên sẽ hiểu được bản chất của truyền thông, nắm và hiểu được những đặc trưng cơ bản của truyền thông, các lý thuyết truyền thông cơ bản, chu trình truyền thông, các phương tiện truyền thông.
2.4	PUR1133E	Mạng xã hội	3	Học phần cung cấp cho người học các kiến thức về mạng xã hội và truyền thông tương tác, bao gồm: Sự phát triển của truyền thông xã hội, vai trò của truyền thông xã hội trong thời đại hiện

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				nay; Quá trình truyền thông và tương tác trên mạng xã hội, vai trò của người dùng; Tầm quan trọng của việc sử dụng mạng xã hội nhằm xây dựng hình ảnh tổ chức và gắn kết với khách hàng, người dùng mạng xã hội trong hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp; Các xu hướng ứng dụng mạng xã hội hiện tại và tương lai hiệu quả
2.5	COT1126	Quy trình sản xuất sản phẩm truyền thông	3	Học phần được thiết kế để cung cấp cho sinh viên kiến thức về các bước cơ bản trong quy trình sản xuất một sản phẩm truyền thông, bao gồm: lập kế hoạch, sản xuất và biên tập sản phẩm, từ đó có thể áp dụng cho các loại hình sản phẩm truyền thông khác nhau.
2.6	COT1107E	Thiết kế nội dung truyền thông	3	Học phần được thiết kế để cung cấp cho sinh viên kiến thức về xây dựng nội dung truyền thông, bao gồm quy trình thực hiện, các thể loại nội dung, kỹ năng cần thiết; cách tư duy sáng tạo để sản xuất nội dung phù hợp với nhu cầu đối tượng công chúng và những vấn đề cần lưu ý khi thiết kế nội dung truyền thông.
3. Kiến thức chuyên ngành				
3.1	COT1124	Kỹ thuật quay và dựng phim	3	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức về quay phim và dựng phim, bao gồm cấu tạo, nguyên lý hoạt động của các thiết bị quay phim, kỹ thuật ghi hình và thu âm, kỹ thuật cắt dựng phim, kỹ thuật truyền hình trực tiếp. Học phần còn cung cấp kiến thức về kỹ thuật sử dụng phần mềm Premiere để biên tập, tạo hiệu ứng cho phim.
3.2	COT1105	Thiết bị kỹ thuật sản xuất audio, video	3	Học phần cung cấp kiến thức chuyên về các thiết bị audio - video, thiết bị phát thanh - truyền hình (như máy ghi âm, máy ghi hình, máy tăng âm, bàn trộn âm, máy thu thanh, máy thu hình, máy phát thanh, máy phát hình...); kỹ thuật và hệ thống thiết bị sản xuất chương trình phát thanh, chương trình truyền hình; kỹ thuật và thiết bị truyền dẫn, phát sóng phát thanh - truyền hình. Rèn luyện kỹ năng vận hành hệ thống thiết bị phát thanh - truyền hình và sử dụng các phần mềm biên tập âm thanh, hình ảnh, kỹ xảo trong công tác sản xuất

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				chương trình phát thanh, chương trình truyền hình; kỹ năng khai thác, sử dụng và vận hành hệ thống thiết bị phát thanh - truyền hình trong công tác truyền dẫn, phát sóng.
3.3	COT1110E	Kỹ thuật ảnh	3	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản cụ thể về máy ảnh, bố cục ảnh, kỹ thuật nhiếp ảnh và các nguyên tắc chụp ảnh tương ứng với từng thể loại ảnh cụ thể. Học phần đồng thời cung cấp các kỹ thuật sử dụng phần mềm (Photoshop) để chỉnh sửa, trình bày bố cục, thiết kế phục vụ cho việc xây dựng hình ảnh. Những kiến thức này giúp cho sinh viên hiểu, nắm bắt và vận dụng trong quá trình thực tiễn tác nghiệp báo chí, PR; từ các công việc hình ảnh cụ thể, đến các giải thưởng về ảnh, hoặc các bộ sưu tập ảnh lớn, có tác động PR cho chủ thể, tổ chức, doanh nghiệp, quốc gia.
3.4	PUR1108E	Tổ chức sự kiện	3	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác tổ chức sự kiện như: quy trình tổ chức, các yếu tố ảnh hưởng đến công tác tổ chức sự kiện; công tác lập kế hoạch, triển khai, giám sát, xử lý tình huống trong quá trình tổ chức một số sự kiện phổ biến trong chuyên ngành Tổ chức sự kiện và các kỹ năng cần thiết cho quá trình tổ chức sự kiện.
3.5	COT1109	Kịch bản	3	Học phần trang bị cho sinh viên hiểu biết về các thể loại kịch bản, và cách thức triển khai viết kịch bản, triển khai sản xuất theo kịch bản. Đồng thời sinh viên làm quen với kịch bản văn học, kịch bản (phim truyện), kịch bản phân cảnh đạo diễn (kịch bản kỹ thuật, kịch bản storyboard); Phương pháp phát triển sơ đồ tư duy ý tưởng; Cách thể hiện cảm xúc bằng hình ảnh, âm thanh; Cách thể hiện yếu tố kịch tính, sự cao trào kịch bản; Cách trình bày kịch bản của người viết chuyên nghiệp. Kết thúc học phần, sinh viên sẽ thực hiện dự án viết hoàn thiện kịch bản và lập kế hoạch sản xuất phim ngắn.
3.6	MMC1102E	Kịch bản phân cảnh	3	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về kịch bản phân cảnh, vai trò của kịch bản phân cảnh trong quá trình sản xuất các sản phẩm truyền thông đa phương tiện như quảng cáo, ca nhạc, phim,.. Học

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				phần đồng thời cung cấp kiến thức Ngôn ngữ hình ảnh truyền hình, điện ảnh, công cụ để triển khai kịch bản phân cảnh. Những kiến thức này giúp người học vận dụng vào thực tiễn nghề nghiệp sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện cho cá nhân, tổ chức – doanh nghiệp, quốc gia.
3.7	PUR1227	Phê bình điện ảnh	3	Học phần cung cấp kiến thức về sự phát triển của điện ảnh, vai trò của điện ảnh với đời sống xã hội; kiến thức về quy trình sản xuất một bộ phim điện ảnh, các thể loại phim điện ảnh và nghệ thuật làm phim. Sinh viên đồng thời được học cách phân tích các yếu tố nghệ thuật của một bộ phim và viết bài phê bình điện ảnh.
3.8	MMC1101E	Tiếng Anh chuyên ngành truyền thông đa phương tiện	3	Học phần trang bị cho sinh viên những thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành truyền thông, kiến thức cơ bản về truyền thông và các lĩnh vực liên quan đến truyền thông đa phương tiện. Sinh viên sẽ phát triển kỹ năng sử dụng tiếng Anh chuyên ngành, vận dụng kiến thức đã học để đọc hiểu tài liệu trong các lĩnh vực liên quan; kỹ năng thuyết trình, thảo luận các chủ đề liên quan bằng tiếng Anh; năng lực phân tích và đánh giá tính tin cậy của thông tin.
3.9	COT1112E	Sản xuất TVC và New Media	3	Học phần được thiết kế để cung cấp cho sinh viên kiến thức về quá trình sản xuất một quảng cáo TVC, bao gồm các công đoạn phát triển kịch bản, tiền kỳ, sản xuất, hậu kỳ và phát hành; các kỹ thuật làm phim để sinh viên ứng dụng vào sản xuất một sản phẩm TVC/New media.
3.10	COT1125E	Đồ án New Media	3	Học phần được thiết kế để sinh viên nghiên cứu xây dựng một sản phẩm new media, mô tả và sử dụng các xu hướng new media mới nhất và kết hợp chúng vào một sản phẩm cụ thể. Bằng cách phát triển các kỹ năng, học phần hỗ trợ các sinh viên ứng dụng các lý thuyết và kỹ năng đã học vào thực tế.
3.11.1	COT1113E	Sản xuất chương trình giải trí phát	3	Học phần trang bị kiến thức: Khái quát về chương trình phát thanh, chương trình truyền hình, các thuật ngữ, các thể loại chương trình; phương pháp, phương tiện kỹ thuật và công nghệ sản xuất,

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
		thanh truyền hình		quy trình sản xuất và phát hành chương trình phát thanh, podcast, chương trình truyền hình, video; sự thay đổi của công nghệ và phương pháp tiếp nhận thông tin trong thời đại mới.
3.12.1	COT1116	Quản trị dự án truyền thông	3	Học phần được thiết kế để nghiên cứu về đội ngũ thực hiện và quy trình vận hành của một dự án truyền thông đa phương tiện, mô tả các xu hướng công nghiệp mới nhất và kết hợp chúng vào một chương trình quản lý dự án. Bằng cách phát triển các kỹ năng thực tế, môn học hỗ trợ các sinh viên phát triển dự án và cung cấp một cái nhìn tổng quan về các vấn đề ảnh hưởng đến sản xuất một sản phẩm truyền thông cụ thể.
3.13.1	COT1129E	Nghệ thuật kể chuyện bằng hình ảnh	3	Học phần cung cấp cho người học các kiến thức nâng cao về kỹ thuật kể chuyện, quay phim và biên tập các sản phẩm đa phương tiện trong môi trường đa nền tảng, bao gồm các khía cạnh kỹ thuật và thẩm mỹ, cách thức kể chuyện bằng hình ảnh bằng việc kết hợp hình ảnh tĩnh, video HD, âm thanh; các xu hướng mới trong ứng dụng kỹ thuật số để xây dựng nội dung trực quan.
3.14.1	COT1417	Đồ án Quản trị dự án truyền thông	6	Trong khóa học này, sinh viên sẽ thử sức mình với tư cách là người quản lý dự án truyền thông cho một công ty hoặc tổ chức, với mục tiêu lập kế hoạch, xây dựng mô hình, tổ chức vận hành cho một chiến dịch truyền thông thực tế. Sinh viên sẽ học cách đưa các bên liên quan khác nhau vào dự án, tiến hành chiến lược, lập kế hoạch và phát triển một sản phẩm truyền thông; đánh giá mức độ thành công và tác động xã hội.
3.11.2	COT1118	Kinh doanh sản phẩm truyền thông	3	Học phần được thiết kế để cung cấp cho người học các kiến thức về những vấn đề liên quan trong hoạt động kinh doanh một sản phẩm truyền thông như nghiên cứu thị hiếu khách hàng, sản xuất, định giá, quảng cáo và phân phối sản phẩm; những vấn đề cần lưu ý, các thách thức và xu hướng mới trong việc kinh doanh các sản phẩm truyền thông.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
3.12.2	COT1130E	Nghiên cứu thị trường truyền thông	3	Học phần trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng về các nguyên tắc, kỹ thuật và công cụ nghiên cứu thị trường, nhấn mạnh ứng dụng của chúng trong lĩnh vực truyền thông. Học phần giúp sinh viên thiết kế và thực hiện các dự án nghiên cứu định lượng và định tính nhằm nghiên cứu thị hiếu công chúng, thách thức và cơ hội, xu hướng phát triển của thị trường thực tế trong truyền thông.
3.13.2	PUR1136E	Truyền thông tương tác	3	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức các lý thuyết chính về truyền thông tương tác, cách phương tiện kỹ thuật tương tác thay đổi bản chất của diễn giả, khán giả và thông điệp trong truyền thông tương tác; Ứng dụng truyền thông kỹ thuật tương tác bằng máy quay video, kỹ thuật tương tác và phần mềm chỉnh sửa video.
3.14.2	COT1420	Đồ án kinh doanh sản phẩm truyền thông	6	Trong khóa học này, sinh viên sẽ thử sức mình với tư cách là người kinh doanh sản phẩm truyền thông cho một công ty hoặc tổ chức phi chính phủ. Sinh viên sẽ tiến hành các hoạt động trong hoạt động kinh doanh một sản phẩm truyền thông như nghiên cứu thị hiếu khách hàng, sản xuất, định giá, quảng cáo và phân phối sản phẩm; những vấn đề cần lưu ý, các thách thức và xu hướng mới; đánh giá mức độ thành công của sản phẩm và doanh số sản phẩm.
4. Kiến thức bổ trợ				
4.1	SKI1107	Project design 1	3	Học phần này trang bị cho người học kiến thức cơ bản về tư duy thiết kế dự án theo quy trình logic, khoa học. Trong quy trình này người học sẽ chủ động khám phá và xác định các vấn đề cần giải quyết. Bằng cách phân tích các vấn đề thực tế trong xã hội dựa trên cơ sở dữ liệu, người học sẽ nắm bắt được các kỹ thuật cần thiết để đưa ra phương án giải quyết mới có tính đổi mới, sáng tạo. Người học đề xuất ý tưởng, kiểm chứng mức độ khả thi thông qua các hoạt động nhóm. Trong quá trình thực hiện dự án người học rèn luyện khả năng tự tìm tòi, năng lực suy nghĩ, phán đoán, khả năng diễn đạt, năng lực giao tiếp và khả năng lãnh đạo. Các dự án sáng tạo, đổi mới có tính ứng dụng

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				cao trong thực tiễn, đóng góp vào các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc.
4.2	SKI1108	Project design 2	3	Học phần cung cấp quy trình thương mại hóa ý tưởng kinh doanh một cách logic, khoa học nhằm trang bị cho sinh viên tư duy trong đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp. Học phần tập trung phát triển các ý tưởng kinh doanh, áp dụng mô hình NABC (Needs – Approach – Benefits/ Costs – Competition) trong việc mô tả và diễn đạt tuyên ngôn giá trị của các ý tưởng kinh doanh. Dự án sáng tạo nhóm sẽ được liên tục gia tăng giá trị thông qua quá trình cải tiến giá trị liên tục (Value Creation Forum: VCF) và được thể hiện qua Poster nhằm cung cấp cho khách hàng/ các bên liên quan bức tranh tổng quan nhất về dự án. Mỗi nhóm đóng vai trò như một mô hình của một tổ chức hoặc doanh nghiệp để hoàn thiện dự án thông qua các hoạt động: khảo sát, đánh giá, phân tích thị trường, công nghệ, khách hàng, kiểm nghiệm ý tưởng trước khi đưa ra thị trường nhằm góp phần đáp ứng các mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc (Sustainable Development Goals: SDGs).
4.3	DMK1101	Công dân số	3	Học phần trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng, và tư duy khi gia nhập vào thế giới số với sự kết nối toàn cầu qua mạng Internet. Người học sẽ được tìm hiểu về các nội dung: cách trở thành thành viên của thế giới số và tận dụng cơ hội để phát triển bản thân; cách hành xử đúng mực, văn minh trên cộng đồng mạng, và cách bảo vệ bản thân trước những rủi ro và tác hại tiêu cực của môi trường số.
4.4	ECO1113	Công dân toàn cầu	3	Học phần trình bày cho sinh viên những vấn đề cơ bản liên quan đến công dân toàn cầu. Sinh viên có thể áp dụng những kiến thức từ học phần để xây dựng lộ trình trở thành công dân toàn cầu và thực hiện các dự án vì cộng đồng. Học phần này có các nội dung chính: toàn cầu hóa, xã hội, chính trị, môi trường, kỷ nguyên số, xây dựng lộ trình để trở thành công dân toàn cầu.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
4.5	JPN1163	Đặc nhân tâm phong cách Nhật Bản	3	Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về cách cư xử, ứng xử và giao tiếp với mọi người để đạt được thành công trong cuộc sống của người Nhật. Sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học hiểu rõ bản thân, thành thật với chính mình, hiểu biết và quan tâm đến những người xung quanh để nhìn ra và khơi gợi những tiềm năng ẩn khuất, giúp phát triển bản thân lên một tầm cao mới.
4.6	JPN1108	Đất nước học Nhật Bản	3	Học phần cung cấp những thông tin chi tiết về nhiều khía cạnh của đất nước Nhật Bản, như địa lý, lịch sử, kinh tế, chính trị, xã hội, ngoại giao,... Ngoài ra, nội dung học phần còn đề cập đến nhiều vấn đề mang tính chất vĩ mô đất nước Nhật Bản: giao thông, thương mại, quốc phòng,... Thông qua học phần, sinh viên sẽ được trang bị kiến thức về đất nước, con người Nhật Bản với những nét văn hóa, truyền thống độc đáo, góp phần tăng thêm sự hiểu biết quốc tế tốt hơn thông qua các mô tả chân thực, đầy quyền rũ của Nhật Bản.
4.7	CHI1122	Đất nước học Trung Quốc	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về đất nước và con người Trung Quốc, giúp sinh viên khái quát về những nét đặc trưng ở các lĩnh vực của Trung Quốc. Nội dung học phần phong phú, các chủ đề đa dạng, bao gồm các lĩnh vực địa lý, lịch sử, dân số, chính trị, kinh tế, giáo dục, tư tưởng, tôn giáo, nghệ thuật Trung Quốc...
4.8	ECO1108	Địa lý kinh tế thế giới	3	Học phần giới thiệu cho người học hiểu về hệ thống lãnh thổ kinh tế - xã hội thế giới; mối quan hệ tương tác chủ yếu trong và giữa các quốc gia phát triển và đang phát triển trên thế giới trong thời kỳ hiện đại như những đặc điểm phát triển kinh tế nổi bật của các khu vực trên thế giới, những biến động chính trị, xã hội tác động đến kinh tế của từng khu vực trong bối cảnh toàn cầu hóa. Học phần cũng sử dụng biện pháp minh họa bằng bản đồ kinh tế - chính trị - xã hội và những thay đổi đáng kể gần đây đối với từng khu vực trong nền kinh tế thế giới.
4.9	PSY1137	Giáo dục sức khỏe tinh thần	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng và thái độ cơ bản nhất liên quan đến sức khỏe tinh thần như: Tổng quan sức khỏe tinh thần; Một số rối loạn tinh thần thường gặp; Định kiến

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				và kỳ thị về sức khỏe tinh thần; Bối cảnh xã hội của rối loạn tinh thần; Sức khỏe tinh thần ở cộng đồng; Sức khỏe tinh thần ở sinh viên; Đa dạng tính dục; Chăm sóc sức khỏe tinh thần. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể chủ động trong việc nhận diện, phòng ngừa, chăm sóc sức khỏe tâm thần của bản thân và người khác.
4.10	ENC1121	Giao tiếp liên văn hóa	3	Học phần giúp sinh viên có cái nhìn đa chiều về sự việc, hiện tượng có liên quan đến văn hóa của một địa phương, vùng, toàn cầu, giúp sinh viên tôn trọng sự khác biệt, tôn trọng giá trị đạo đức riêng của mỗi dân tộc được tham chiếu từ chính những chuẩn mực văn hóa của riêng họ nhằm tăng năng lực giao tiếp liên văn hóa với người khác. Thông qua học phần, vấn đề toàn cầu hóa và giao thương quốc tế, những nguyên nhân gây đổ vỡ trong giao tiếp khác vùng miền, khác quốc gia nhìn dưới góc độ văn hóa sẽ được đưa ra bàn luận dưới nhiều góc nhìn khác nhau. Người học có thể hiểu được những khác biệt văn hóa, những giá trị văn hóa đối lập và những khác biệt trong giao tiếp phi ngôn ngữ được sử dụng trên thế giới.
4.11	BUS1115	Khởi nghiệp	3	Học phần được thiết kế dành cho hệ cơ bản về những nguyên tắc và kiến thức cốt lõi khi khởi nghiệp. Học xong học phần này, sinh viên có thể tự thiết kế, xây dựng và điều hành một công ty hoặc dự án nhỏ. Ngoài ra, học phần giúp người học hiện thực hóa được những ý tưởng kinh doanh để từ đó tạo dựng được một quy trình kinh doanh nhỏ bắt đầu từ ý tưởng sáng tạo.
4.12	LAW1195	Luật công bằng và tín thác	3	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về nguyên tắc công bằng (equity) và luật tín thác (trust), cung cấp kiến thức đầy đủ về các khái niệm, nguyên tắc và ứng dụng của công bằng và tín thác trong hệ thống pháp luật. Học phần tập trung vào các nội dung sau: (i) Nghiên cứu về nguồn gốc và sự phát triển của công bằng và tín thác; (ii) Nghiên cứu về các loại hình tín thác, cách thức thành lập và quản lý tín thác; (iii) Nghiên cứu về quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan trong tín thác; (iv) Nghiên cứu về các biện pháp bảo vệ quyền lợi trong công bằng, bao gồm

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				các biện pháp khắc phục công bằng và trách nhiệm ủy thác (fiduciary duties).
4.13	LAW1111	Luật thương mại	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động thương mại và dịch vụ, nắm bắt được những nội dung cơ bản về một số vấn đề pháp luật có liên quan đến thương nhân. Pháp luật về các hoạt động thương mại theo pháp luật Việt Nam, bao gồm những nội dung cơ bản sau: khái niệm về thương nhân và về các hoạt động thương mại; các hoạt động thương mại cụ thể; quyền và nghĩa vụ của các thương nhân trong hoạt động thương mại; các chế tài trong hoạt động thương mại.
4.14	LAW1116	Luật quốc tế	3	Học phần cung cấp những kiến thức sau: Nguồn gốc, khái niệm, đặc trưng, cấu trúc, quy phạm và bản chất của luật quốc tế; Phân biệt luật quốc tế và luật quốc gia; Mối quan hệ biện chứng giữa luật quốc tế với luật quốc gia; Các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế; Hệ thống và đặc điểm của nguồn luật quốc tế ; Những nội dung cơ bản về dân cư, lãnh thổ- biên giới quốc gia; Những nội dung cơ bản về luật biển quốc tế, luật ngoại giao- lãnh sự.
4.15	GPD1135	Nghệ thuật học cơ bản	3	Học phần nhằm truyền cảm hứng, mong muốn thưởng thức, cảm thụ nghệ thuật cho sinh viên. Phát triển sự hiểu biết cơ bản về 7 loại hình nghệ thuật: Kiến trúc, Hội họa, Điêu khắc, Âm nhạc, Văn học, Sân khấu, Điện ảnh. Những kiến thức này giúp gia tăng trí tuệ cảm xúc, góp phần tạo ra một đời sống cân bằng cho sinh viên trong quá trình hoạt động nghề nghiệp. Qua học phần, sinh viên sẽ có một đời sống tinh thần phong phú, phát triển thêm những kỹ năng mềm giúp ích cho nghề nghiệp sau này.
4.16	HRM1111	Nghệ thuật lãnh đạo	3	Học phần giới thiệu sự tương quan giữa quản lý và lãnh đạo. Những yêu cầu và phẩm chất cần thiết để trở thành nhà lãnh đạo nhóm, lãnh đạo tổ chức. Các phong cách lãnh đạo: phong cách dân chủ, phong cách độc đoán, phong cách tự do. Nhấn mạnh tính nghệ thuật trong lãnh đạo với những đặc trưng như: tính sáng tạo-độc đáo, tính linh hoạt, tính tổng hợp, tính hiệu quả thực tế, tính khoa học và các nội dung cơ bản của nghệ thuật

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				lãnh đạo như: nghệ thuật điều hành, nghệ thuật giao tiếp, nghệ thuật động viên-khích lệ, nghệ thuật sử dụng quyền lực, nghệ thuật dùng người, nghệ thuật tùy cơ ứng biến... Học phần cũng đề cập đến vai trò, trách nhiệm của người lãnh đạo nhóm: trách nhiệm đối với cá nhân, trách nhiệm đối với công việc, trách nhiệm đối với nhóm và thể hiện vai trò lãnh đạo nhóm. Phân biệt quyền hạn và quyền lực, nghệ thuật giao quyền và ủy quyền công việc hiệu quả. Giới thiệu nghệ thuật phát hiện, lựa chọn và sử dụng nhân tài; một nhiệm vụ rất quan trọng đối với người làm công tác quản lý.
4.17	HMM1137	Nghệ thuật xây dựng hình ảnh cá nhân chuyên nghiệp	3	Học phần trang bị những kiến thức và kỹ năng liên quan đến phong cách, trang phục, hình thể. Bên cạnh đó, học phần còn giúp người học phát triển được những kỹ năng liên quan đến xây dựng hình ảnh cá nhân, lựa chọn trang phục, giao tiếp với đồng nghiệp và khách hàng, nói chuyện qua điện thoại, ngôn ngữ biểu cảm, kiểm soát cảm xúc, kỹ năng đi đứng nhẹ nhàng....nhằm tạo dựng cho từng cá nhân hình ảnh chuyên nghiệp và tạo ấn tượng nơi làm việc, góp phần nâng cao hiệu quả công việc và tăng sự hài lòng cho đồng nghiệp, đối tác và khách hàng. Từ đó, đáp ứng được yêu cầu cơ bản đối với những nhân sự làm việc trong ngành dịch vụ.
4.18	IRE1130	Nghiep vụ ngoại giao	3	Học phần cung cấp cho sinh viên một số công tác của nghiệp vụ ngoại giao như công tác lễ tân ngoại giao, công tác lãnh sự, công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại, công tác tiếp xúc, đàm phán ngoại giao, công tác nghiên cứu ngoại giao; Người học sẽ được trang bị các kiến thức lý thuyết và thực tiễn về hoạt động lễ tân ngoại giao của các quốc gia cũng như của Việt Nam. Môn học gồm 4 nhóm vấn đề chính: (1) Khái quát về lễ tân ngoại giao; (2) Ngôi thứ và cách sắp xếp vị trí trong lễ tân ngoại giao; (3) Nghi thức ngoại giao; (4) Tiệc ngoại giao và cách tổ chức.
4.19	DAS1125	Nhập môn chuyển đổi số	3	Học phần cung cấp các kiến thức nền tảng về xu hướng chuyển đổi số trên thế giới và Việt Nam, định nghĩa và khái niệm chuyển đổi số cho doanh nghiệp, lộ trình chuyển đổi số cho các doanh

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				ngành vừa và nhỏ, các công cụ đánh giá mức độ sẵn sàng trong chuyển đổi số của doanh nghiệp vừa và nhỏ, và các giải pháp công nghệ theo lộ trình chuyển đổi số.
4.20	IRE1108	Những vấn đề toàn cầu	3	Học phần cung cấp bức tranh toàn cảnh về các vấn đề toàn cầu hiện nay trên thế giới. Học phần đi sâu giới thiệu về những vấn đề toàn cầu nổi bật hiện nay trên thế giới cũng như đối với Việt Nam như vũ khí hủy diệt hàng loạt, môi trường, dân số, tội phạm quốc tế, năng lượng, đói nghèo,... Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở về các vấn đề toàn cầu từ khái niệm, phân loại, quá trình hình thành và phát triển, thực trạng hiện nay, tình hình và các phương thức hợp tác quốc tế, thuận lợi và khó khăn trong việc giải quyết các vấn đề toàn cầu. Môn học cũng giới thiệu cơ sở lý luận về vấn đề toàn cầu như khái niệm và phân loại, nền tảng quy định tính toàn cầu của vấn đề, các lý thuyết và quan niệm khác nhau trong từng vấn đề toàn cầu. Qua đó, môn học góp phần trang bị cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế, giúp sinh viên có khả năng phân tích các hiện tượng và vấn đề khác nhau trong thực tiễn quan hệ quốc tế.
4.21	DAS1124	Phân tích dữ liệu ứng dụng	3	Học phần giới thiệu các kỹ thuật và tư duy phân tích dữ liệu cơ bản qua các ứng dụng cụ thể. Cụ thể học phần sẽ trình bày về các phương pháp phân tích dữ liệu sử dụng Excel và áp dụng trong các lĩnh vực cụ thể như kinh tế-kinh doanh, tài chính, marketing, bất động sản, ... Qua đó sẽ khai phá được những thông tin hữu ích của dữ liệu, mang đến nhiều lợi ích cho tổ chức, doanh nghiệp.
4.22	LAW1107	Pháp luật về doanh nghiệp	3	Học phần Pháp luật doanh nghiệp là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về doanh nghiệp và những quy định pháp luật về doanh nghiệp; cung cấp cho sinh viên kiến thức đầy đủ về mô hình doanh nghiệp, thủ tục thành lập doanh nghiệp, cơ cấu tổ chức quản lý doanh nghiệp, tổ chức lại doanh nghiệp, giải thể và phá sản doanh nghiệp. Theo đó, học phần tập trung vào những nội dung cơ bản sau: • Nghiên cứu về điều kiện thành lập, tổ chức, quản lý và tài chính của các chủ thể kinh doanh.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				Nghiên cứu về dấu hiệu phá sản doanh nghiệp; Giải quyết phá sản doanh nghiệp, theo quy định của pháp luật. Nghiên cứu về giải thể, các cách thức tổ chức lại doanh nghiệp.
4.23	IRE1151	Phát triển bền vững	3	Học phần Phát triển bền vững ngày càng quan trọng, phản ánh sự nhận thức ngày càng tăng về nhu cầu tiếp cận phát triển toàn diện và bền vững. Học phần này có tính liên ngành cao, trang bị cho sinh viên kiến thức và hiểu biết về các nguyên tắc, thách thức và giải pháp tiềm năng của phát triển bền vững, được tích hợp phù hợp với nhiều chuyên ngành khác nhau. Học phần giới thiệu các khái niệm cốt lõi như sự kết nối của các hệ thống xã hội, kinh tế và môi trường, tầm quan trọng của quản lý tài nguyên cùng nguyên tắc công bằng giữa các thế hệ. Học phần nhấn mạnh các ứng dụng thực tiễn thông qua các nghiên cứu điển hình, dự án và sự tham gia của cộng đồng, cho phép sinh viên áp dụng kiến thức vào các vấn đề thực tế. Sinh viên được khuyến khích phân tích phản biện các vấn đề phức tạp, đánh giá các quan điểm khác nhau và phát triển các giải pháp sáng tạo cho phát triển bền vững. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên sẽ có nhận thức sâu sắc về tính cấp thiết của phát triển bền vững, thể hiện trách nhiệm xã hội rõ ràng, nhận diện hiệu quả các vấn đề thực tiễn và chủ động hành động một cách có ý thức.
4.24	FIN1152	Quản lý tài chính cá nhân	3	Trong trong bối cảnh cuộc sống thay đổi nhanh chóng như hiện nay, con người ngày càng thường xuyên phải đối mặt với những biến động diễn ra ngoài dự kiến như: nền kinh tế suy thoái, phá sản, thất nghiệp, tử vong đột ngột... làm những mục tiêu tương lai có nguy cơ khó thành hiện thực. Quản lý tài chính tài chính trở nên một công việc vô cùng cần thiết, giúp cá nhân có sự chuẩn bị vững chắc trong tương lai và đem lại sự cân bằng ổn định trong cuộc sống. Quản lý tài chính giúp cá nhân xây dựng định hướng trong những lĩnh vực quan trọng: từ lựa chọn nghề nghiệp, lập kế hoạch ngân sách, danh mục đầu tư tài chính cá nhân đến lập kế hoạch cho tuổi già, tuổi nghỉ

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				hưu...Một tình hình tài chính lành mạnh sẽ giúp cá nhân chủ động trong những quyết định, đạt được những mục tiêu đã đề ra, và được bảo vệ an toàn hơn trước những biến cố. Học phần này nghiên cứu những khái niệm, nguyên tắc, công cụ và phương pháp vận dụng kiến thức quản lý tài chính cá nhân trong một số lĩnh vực chính của cuộc sống nhằm xây dựng nền tảng tài chính vững chắc trong tương lai. Nội dung cốt lõi của học phần này bao gồm 3 phần: (1) lên kế hoạch tài chính cá nhân; (2) quản lý tài sản cá nhân, tín dụng, bảo hiểm, đầu tư; và (3) là hoạch định cho tuổi già, tuổi hưu trí và di sản.
4.25	IBU1115	Quản trị chiến lược toàn cầu	3	Học phần giúp sinh viên hiểu được động lực thúc đẩy toàn cầu hóa tập hợp các khía cạnh quản lý chiến lược toàn cầu ở các công ty toàn cầu. Đồng thời cung cấp kiến thức và kỹ năng quản lý chiến lược thực tế cho sinh viên phải đối mặt với việc toàn cầu hóa của doanh nghiệp, đối phó với những vấn đề quản lý toàn cầu.
4.26	PSY1103	Tâm lý giao tiếp	3	Học phần cung cấp những kiến thức căn bản, nền tảng về tâm lý học; Nhận diện các hiện tượng tâm lý người; hiểu biết về sự đa dạng phong phú trong đời sống tâm lý con người; Nắm vững các quy luật hình thành hiện tượng tâm lý người; Nhận thức các yếu tố khách quan và chủ quan quy định nên tâm lý người; Cung cấp những kiến thức lí luận về giao tiếp và ứng xử (khái niệm, đặc điểm, chức năng, vai trò và những yếu tố tâm lý xã hội ảnh hưởng đến giao tiếp- ứng xử); Cấu trúc của hành vi giao tiếp, những hình thức và phương tiện giao tiếp - ứng xử; Bản chất của giao tiếp; Kỹ năng và hiệu quả trong giao tiếp ứng xử.
4.27	ADS1101	Thuyết trình sáng tạo	3	Học phần trang bị cho sinh viên hiểu biết và thực hành các kỹ thuật trình bày vấn đề, thể hiện ý tưởng, thuyết phục người nghe, nhằm giúp người học làm chủ quá trình trình bày các ý tưởng quảng cáo, các giải pháp và kế hoạch, chiến lược quảng cáo, thuyết phục khách hàng. Học phần bao gồm các phần từ xác định mục tiêu, sáng tạo ý tưởng, chuẩn bị nội dung, chuẩn bị phương tiện, kỹ thuật trình bày và các công nghệ hỗ trợ. Học phần nhấn mạnh đến sự kết hợp giữa tính sáng tạo, độc đáo

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				trong ý tưởng quảng cáo và tính sáng tạo, hiệu quả trong phương thức trình bày, thuyết phục; nhằm tạo ra những phần trình bày ấn tượng, hỗ trợ tích cực cho các hoạt động thương mại: chào bán sản phẩm, trình bày, đàm phán thương lượng... trong lĩnh vực quảng cáo.
4.28	DMK1114	Tư duy thẩm mỹ	3	Học phần giúp người học bồi dưỡng năng lực tư duy thẩm mỹ, không chỉ trong phạm vi nghệ thuật, mà còn là ở tất cả các lĩnh vực khác trong đời sống. Người học sẽ được tiếp cận và nắm bắt được khái niệm về giá trị thẩm mỹ từ các hoạt động vui chơi giải trí đến hoạt động lễ hội, văn hoá, thể thao, hay ngay cả hoạt động lao động sản xuất, giáo dục, y tế, quân sự,... Môn học còn trang bị cho người học kiến thức mỹ học trong đa dạng ngành nghề và tạo điều kiện để người học phát triển tư duy thẩm mỹ của bản thân trong tương lai.
4.29	TOU1145	Văn hóa bàn tiệc và lễ tân khách sạn	3	Học phần được thiết kế để giúp sinh viên nâng cao kỹ năng và kiến thức về văn hóa bàn tiệc và lễ tân khách sạn. Sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản đến nâng cao về ứng xử tại bàn tiệc, cách sử dụng các dụng cụ ăn uống một cách lịch sự và chuyên nghiệp, cũng như các kỹ năng giao tiếp và ngoại giao trong môi trường xã hội và kinh doanh. Học phần còn giúp sinh viên hiểu rõ hơn về các chuẩn mực văn hóa khác nhau liên quan đến ăn uống và giao tiếp trên bàn tiệc, qua đó hỗ trợ sinh viên phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực tổ chức sự kiện, quản lý nhà hàng, và các ngành nghề liên quan đến dịch vụ khách hàng. Khóa học này bổ trợ cho các học phần khác trong chương trình đào tạo về quản lý khách sạn và du lịch, cung cấp một nền tảng vững chắc cho những ai xem ngành dịch vụ là nghề nghiệp tương lai.
4.30	SOS1108	Văn hoá các nước Đông Nam Á	3	Học phần giới thiệu một cách hệ thống những thông tin cơ bản về diện tích, dân số, đặc điểm lịch sử, cộng đồng dân cư và văn hóa, tình hình phát triển kinh tế - xã hội; tìm hiểu các phong tục tập quán và danh lam thắng cảnh, địa điểm du lịch nổi tiếng cũng như bản sắc tộc người và hiện trạng khai thác tiềm năng phát triển du lịch của các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á. So sánh những nét tương đồng và khác biệt giữa văn hóa khu vực

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				và văn hóa bản địa Việt Nam; đánh giá khả năng hợp tác, phát triển của ngành du lịch ASEAN, hướng đến việc hiện thực hóa Cộng đồng văn hóa - xã hội ASEAN.
4.31	KOR1147	Văn hóa truyền thống Hàn Quốc	3	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về văn hóa truyền thống của Hàn Quốc bao gồm văn hóa ứng xử của người Hàn đối với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội như: khái quát về Hàn Quốc (đất nước, con người), lịch sử văn hóa Hàn Quốc, đời sống văn hóa người Hàn. Kiến thức của học phần cung cấp để sinh viên có thể hiểu được văn hóa truyền thống của người Hàn, có thể phân tích, so sánh đặc điểm văn hóa với các nước phương Đông; tìm hiểu điểm giống và khác giữa văn hóa truyền thống Hàn Quốc và Việt Nam để sinh viên gìn giữ bản sắc văn hóa Việt và có ứng xử phù hợp trong các hoạt động giao lưu quốc tế giữa hai nước.
4.32	IRE1138	Văn minh nhân loại	3	Học phần Văn minh nhân loại được thiết kế để đạt được một số mục tiêu: 1) giúp sinh viên làm quen với các thông tin cơ bản về địa lý, lịch sử và văn hóa mà mọi người cần biết để trở thành một công dân toàn cầu hiểu biết của thế giới, 2) tạo nền tảng cho các khóa học sau này trong nhiều lĩnh vực trong đó giả định những kiến thức tổng quát như vậy, 3) minh họa sự đa dạng phong phú mà loài người đã tìm thấy để sống trong các nền văn minh và 4) kích thích sự tò mò của bạn để tìm hiểu thêm. Xin lưu ý rằng đây không phải là một khóa học lịch sử truyền thống. Điều này có nghĩa là các nội dung học phần về văn học, kiến trúc, nghệ thuật và âm nhạc không chỉ đơn thuần là bổ sung, mà là một phần cốt lõi của khóa học. Chúng tôi sẽ nhấn mạnh các chủ đề và khuôn mẫu văn hóa hơn là các sự kiện và trình tự thời gian. Bạn sẽ được yêu cầu ghi nhớ rất ít ngày tháng; nhưng bạn sẽ phải theo dõi và so sánh các khái niệm giữa các nền văn minh khác nhau.
5. Thực tập thực tế				
5.1	COT1321	Thực tập tốt nghiệp	3	Học phần nhằm giúp cho sinh viên củng cố và nâng cao được kiến thức thực tế sau khi đã học các môn học lý thuyết. Vận dụng được kiến thức đã học vào việc phân tích, đánh giá và đề xuất các

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				giải pháp giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp. Đánh giá được kết quả đào tạo thuộc chuyên cũng như chương trình đào tạo có sát thực tế không, được thực tế chấp nhận không. Hình thành được kỹ năng tự nghiên cứu; rèn luyện được kỹ năng giao tiếp tại nơi làm việc, kỹ năng giao tiếp với khách hàng và xử lý được các tình huống phát sinh trong hoạt động.
5.2	COT1427	Chuyên đề tốt nghiệp	6	Học phần dành cho các sinh viên đã học xong tất cả các môn học chuyên ngành bắt buộc của khóa học, thỏa điều kiện về điểm học tập của Khoa quy định, và có mong muốn đăng ký thực hiện đề tài học phần chuyên đề tốt nghiệp / khóa luận tốt nghiệp. Học phần yêu cầu sinh viên thực hiện một đề tài dưới dạng thức là một dự án hay một bài tập lớn, có nội dung liên quan đến các kiến thức chuyên ngành của khóa học. Khi thực hiện khóa luận, sinh viên sẽ được đề xuất đề tài hay được giao đề tài và được giảng viên phụ trách hướng dẫn khoa học. Sau thời gian thực hiện theo quy định, sinh viên sẽ nộp báo cáo khóa luận và các sản phẩm, giải pháp, phần mềm đã thực hiện để được kiểm tra, đánh giá kết quả. Việc thực hiện khóa luận tốt nghiệp phải theo đúng quy định, thông báo của Khoa về các mốc thời gian, mẫu báo cáo thuyết minh và các quy định khác về việc bảo vệ khóa luận
5.3	COT1428	Khóa luận tốt nghiệp	6	Học phần dành cho các sinh viên đã học xong tất cả các môn học chuyên ngành bắt buộc của khóa học, thỏa điều kiện về điểm học tập của Khoa quy định, và có mong muốn đăng ký thực hiện đề tài học phần chuyên đề tốt nghiệp / khóa luận tốt nghiệp. Học phần yêu cầu sinh viên thực hiện một đề tài dưới dạng thức là một dự án hay một bài tập lớn, có nội dung liên quan đến các kiến thức chuyên ngành của khóa học. Khi thực hiện khóa luận, sinh viên sẽ được đề xuất đề tài hay được giao đề tài và được giảng viên phụ trách hướng dẫn khoa học. Sau thời gian thực hiện theo quy định, sinh viên sẽ nộp báo cáo khóa luận và các sản phẩm, giải pháp, phần mềm đã thực hiện để được kiểm tra, đánh giá kết quả. Việc thực hiện khóa luận tốt nghiệp phải theo đúng quy định,

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				thông báo của Khoa về các mốc thời gian, mẫu báo cáo thuyết minh và các quy định khác về việc bảo vệ khóa luận
6. Kiến thức không tích lũy				
		6.1. Giáo dục thể chất		Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất, các kỹ thuật, phương pháp tập luyện nhằm rèn luyện và nâng cao sức khỏe, thẩm mỹ. Người học có thể chọn các học phần yêu thích để tập luyện phù hợp với thể lực của bản thân như: Thể hình thẩm mỹ (GYM), Aerobic, Boxing, Vovinam, DanceSport.
		6.2. Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết)		Học phần trang bị cho người học hiểu biết cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội. Nắm được kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới. Thực hiện kỹ năng cơ bản về kỹ thuật, chiến thuật quân sự cấp trung đội, biết sử dụng súng ngắn và một số loại vũ khí bộ binh thường dùng. Môn học được phân thành 04 phần: phần 1- Đường lối quốc phòng an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam, phần 2- Công tác quốc phòng an ninh, phần 3- Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn, phần 4- Hiểu biết chung về quân, binh chủng.

III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

1. Chương trình đào tạo được tổ chức thực hiện theo kế hoạch giảng dạy và học tập từng năm học của Trường.

2. Một số học phần đặc biệt, thể hiện bản sắc riêng của UEF, được tổ chức đào tạo theo định hướng sau:

- Đào tạo các học phần tiếng Anh: Các học phần ngoại ngữ Tiếng Anh 1 đến Tiếng Anh 6 được bố trí ở các học kỳ đầu (HK1, HK2, HK3). Từ HK4 trở đi, bố trí các học phần chuyên môn bằng tiếng Anh (có 12 học phần chuyên môn được giảng dạy bằng tiếng Anh) nhằm giúp người học sau tốt nghiệp có thể sử dụng thành thạo tiếng Anh trong quá trình thực hiện các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.

- Đào tạo kỹ năng: Học phần Project Design 1 được giảng dạy ở năm thứ nhất, Project Design 2 được giảng dạy ở năm thứ hai, hình thành cho người học phương pháp, kỹ năng làm việc nhóm, tư duy, phát hiện và giải quyết vấn đề thông qua một dự án. Trên cơ sở đó giúp

người học phát triển các kỹ năng qua các học phần chuyên môn ở các học kỳ năm học tiếp theo; đồng thời giúp phát triển tối đa năng lực tự học, tự nghiên cứu, giải quyết vấn đề thực tế của người học, nâng cao ý thức trách nhiệm xã hội thông qua các chủ đề xoay quanh các Mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc (SDGs), thúc đẩy năng lực học tập suốt đời.

- Đào tạo chuyên môn định hướng nghề nghiệp: Từ HK1 năm thứ nhất, người học được tiếp cận các học phần nhập môn, học phần cơ sở ngành và được tiếp cận với các lĩnh vực nghề nghiệp chuyên môn thông qua các hoạt động tham quan, kiến tập, hội thảo chuyên đề... Ở học kỳ cuối sinh viên phải tham gia thực tập tốt nghiệp bắt buộc (toàn thời gian tại đơn vị thực tập, tối thiểu 12 tuần) và chọn thực hiện khóa luận tốt nghiệp, hoặc chuyên đề tốt nghiệp, hoặc học thay thế bằng 2 học phần cung cấp kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp.

- Đào tạo gắn liền với thực tiễn xuyên suốt: Các môn học có tính ứng dụng cao, được phân bổ hợp lý trong từng học kỳ của chương trình đào tạo, tạo điều kiện cho người học thường xuyên vận dụng kiến thức và kỹ năng hiệu quả. Sinh viên được tiếp cận các công cụ, thiết bị, công nghệ hiện đại trong quá trình thực hành tại các phòng máy tính, tiền kỳ và studio. Các đồ án môn học và chuyên ngành bắt buộc nhằm giúp sinh viên tích lũy kinh nghiệm thực tế, phát triển toàn diện kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho hoạt động nghề nghiệp tương lai.

3. Các học phần trong chương trình đào tạo được phân định quản lý theo chuyên môn cho các đơn vị khoa/ viện/ trung tâm (gọi chung là đơn vị quản lý học phần) theo Quy định về phân định quản lý sinh viên và học phần hiện hành của Trường

4. Việc thiết kế các hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá, phân tích kết quả học tập của người học được thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Trường về việc lựa chọn phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trình độ đại học.

5. Các học phần được giảng dạy theo đề cương chi tiết học phần thống nhất được Hiệu trưởng ban hành.

6. Việc tổ chức giảng dạy và học tập, kiểm tra, đánh giá học phần, xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp chương trình đào tạo được thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học, Quy định tổ chức thi kết thúc học phần và các quy chế, quy định có liên quan khác của Trường.

7. Đơn vị quản lý chương trình đào tạo phải lập kế hoạch và thực hiện đo lường, đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo quy định của Trường. Đơn vị quản lý học phần phải lập kế hoạch và thực hiện đo lường, đánh giá chuẩn đầu ra của học phần theo quy định của Trường.

8. Yêu cầu đối với đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định tại Quy định xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo, ban hành theo Quyết định số 714/QĐ-UEF ngày 01 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật mỗi 02 năm một lần; kết quả rà soát, đánh giá được đơn vị quản lý chương trình áp dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

10. Trong quá trình thực hiện chương trình đào tạo, nếu phát sinh yêu cầu cần thiết phải điều chỉnh đột xuất chương trình đào tạo, đơn vị quản lý chương trình đào tạo phải làm tờ trình nêu rõ căn cứ/ lý do của việc điều chỉnh, phạm vi áp dụng, thời điểm bắt đầu áp dụng,

nội dung đề nghị điều chỉnh và dự kiến tác động của việc điều chỉnh chương trình đào tạo; kèm theo biên bản họp Hội đồng khoa và các minh chứng cần thiết khác. Việc đề xuất điều chỉnh đột xuất chương trình đào tạo không được làm ảnh hưởng đến kế hoạch đào tạo của học kỳ hiện tại. Phòng Đào tạo tiếp nhận tờ trình từ đơn vị quản lý chương trình đào tạo, rà soát và có ý kiến, trình Hiệu trưởng xem xét phê duyệt.

11. Khi có thay đổi về giáo trình, tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo hoặc theo yêu cầu điều chỉnh đột xuất chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần phải được rà soát và cập nhật. Đơn vị quản lý học phần phối hợp với đơn vị quản lý chương trình đào tạo tổ chức việc rà soát, cập nhật, ghi rõ thời điểm áp dụng đề cương chi tiết mới cập nhật. Đề cương chi tiết sau khi hoàn tất cập nhật được gửi cho Phòng Đào tạo rà soát, trình Hiệu trưởng xem xét phê duyệt.

12. Chu kỳ đánh giá tổng thể chương trình đào tạo tối đa là 05 năm; quy trình đánh giá tổng thể tương tự với quy trình xây dựng mới chương trình đào tạo./.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thanh Giang